

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI QUẢNG NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI QUẢNG NINH

Tầng 2, Khách sạn Hữu Nghị, Phường Hòa Lạc,
Thành phố Mong Cai, Tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-22

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI QUẢNG NINH

Tầng 2, Khách sạn Hữu Nghị, Phường Hòa Lạc,
Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Duyên hải Quảng Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Văn Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thắng	Giám đốc
----------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2018

Số: 031/2017/BCKT.TC-ASA.02

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Duyên hải Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Duyên hải Quảng Ninh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Duyên hải Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Đức Minh

Phạm Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 2350-2018-239-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2018

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1628-2018-239-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.410.304.540	8.732.199.758
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.712.793.696	3.652.421.149
1. Tiền	111		4.712.793.696	3.652.421.149
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.629.298.500	1.475.447.123
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.629.298.500	1.475.447.123
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.539.098.746	2.551.271.264
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.336.386.000	333.205.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		200.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.202.512.746	2.218.066.264
IV. Hàng tồn kho	140	9	492.590.971	632.197.812
1. Hàng tồn kho	141		492.590.971	632.197.812
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.522.627	420.862.410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	36.522.627	366.145.544
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	54.716.866
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.974.266.511	14.684.126.508
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		273.350.065	271.996.829
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	273.350.065	271.996.829
II. Tài sản cố định	220		11.656.574.590	12.779.453.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.656.574.590	12.779.453.454
- Nguyên giá	222		25.563.632.757	25.563.632.757
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.907.058.167)	(12.784.179.303)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	854.290.507	854.290.507
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		854.290.507	854.290.507
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.190.051.349	778.385.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.190.051.349	766.702.365
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	11.683.353
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		24.384.571.051	23.416.326.266

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.368.017.960	1.863.289.986
I. Nợ ngắn hạn	310		2.368.017.960	1.863.289.986
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		84.825.020	125.506.745
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	530.725.100	300.158.699
3. Phải trả người lao động	314		1.084.036.632	469.676.892
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	524.505.000	369.200.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	328.409.091
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		142.330.010	199.762.361
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.596.198	70.576.198
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.016.553.091	21.553.036.280
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	22.016.553.091	21.553.036.280
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.170.915.444	17.170.915.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.170.915.444	17.170.915.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.718.783.408	2.718.783.408
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		925.056.074	925.056.074
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(372.830.106)	(836.346.917)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(836.346.917)	(995.658.601)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		463.516.811	159.311.684
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		1.574.628.271	1.574.628.271
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		24.384.571.051	23.416.326.266



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

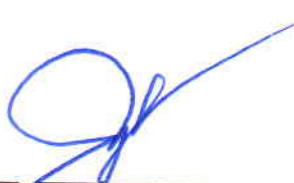
MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	46.223.979.040	32.599.767.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		46.223.979.040	32.599.767.435
4. Giá vốn hàng bán	11	18	34.985.772.810	21.810.046.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.238.206.230	10.789.720.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.458.813.539	1.402.975.579
7. Chi phí tài chính	22		9.705.680	1.854.637
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		1.097.477.955	1.369.023.069
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	10.473.344.889	10.397.065.229
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25-26))	30		1.116.491.245	424.753.558
11. Thu nhập khác	31		102.901.234	3.635.713.538
12. Chi phí khác	32		455.875.668	3.641.207.908
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(352.974.434)	(5.494.370)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		763.516.811	419.259.188
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		763.516.811	419.259.188



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc


Quảng Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		49.514.786.853	27.335.040.567
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(43.460.541.390)	(5.328.917.828)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.323.880.068)	(2.306.349.612)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.704.915)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	8.596.302.790
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.439.696.352)	(27.431.957.050)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>286.964.128</i>	<i>864.118.867</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(558.758.044)	(400.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		404.906.667	304.477.807
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.222.863.899	985.234.461
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>1.069.012.522</i>	<i>889.712.268</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(300.000.000)	(300.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(300.000.000)</i>	<i>(300.000.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>1.055.976.650</i>	<i>1.453.831.135</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.652.421.149	2.197.756.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.395.897	833.525
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>5</i>	<i>4.712.793.696</i>	<i>3.652.421.149</i>



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Duyên hải Quảng Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV số 5700101387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 04 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 2, Khách sạn Hữu Nghị, Phường Hòa Lạc, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe bus);
- Bán buôn thực phẩm; Sản xuất kinh doanh nước khoáng, nước giải khát, nước sinh hoạt;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh du lịch và khách sạn;
- Sản xuất chế biến tiêu thụ nội địa và xuất khẩu than;
- Kinh doanh hàng miễn thuế;
- Xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Cửa hàng Thương mại Bắc Luân	TP Móng Cái	Kinh doanh hàng miễn thuế
Khách sạn Hữu Nghị	TP Móng Cái	Khách sạn
Trung tâm Thương mại và Du Lịch	TP Móng Cái	Khách sạn, du lịch

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10	năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.931.619.619	1.533.246.666
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.781.174.077	2.119.174.483
	4.712.793.696	3.652.421.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.629.298.500	1.629.298.500	1.475.447.123	1.475.447.123
	1.629.298.500	1.629.298.500	1.475.447.123	1.475.447.123

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần INDECO	345.000.000	60.000.000
Vultran investment Co.,Ltd	505.541.000	-
Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại Tỉnh Quảng Ninh	151.500.000	-
Công ty TNHH MTV Bóng Đá Quảng Ninh	-	125.600.000
Ủy Ban Nhân Dân Móng Cái	115.010.000	30.600.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	219.335.000	117.005.000
	1.336.386.000	333.205.000

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về cổ phần hóa	24.900.000	-	24.900.000	-
Cửa hàng miễn thuế Móng Cái	1.391.637.252	-	1.162.737.972	-
Tạm ứng	126.200.000	-	326.400.000	-
Công ty Liên doanh Phát triển Khu cảng Dân Tiến	504.864.000	-	504.864.000	-
Phải thu khác	154.911.494	-	199.164.292	-
	2.202.512.746	-	2.218.066.264	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	273.350.065	-	271.996.829	-
	273.350.065	-	271.996.829	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	131.900.318	-	153.743.003	-
Công cụ, dụng cụ	21.798.804	-	13.270.000	-
Hàng hoá	338.891.849	-	465.184.809	-
	492.590.971	-	632.197.812	-

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	854.290.507	854.290.507
Chi phí lập dự án, thiết kế hạ tầng Đại lộ Hòa Bình	234.319.397	234.319.397
Chi phí XD CB Cảng Dân Tiến	619.971.110	619.971.110
	854.290.507	854.290.507

CÔNG TY TNHH MTV DUYN HAI QUANG NINH

làng 2, Khách sạn Hữu Nghị, Phường Hòa Lạc,
Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Tại ngày 01/01/2017	24.073.761.788	524.978.423	567.594.364	397.298.182	25.563.632.757					
Tại ngày 31/12/2017	24.073.761.788	524.978.423	567.594.364	397.298.182	25.563.632.757					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Tại ngày 01/01/2017	11.444.545.834	524.978.423	567.594.364	247.060.682	12.784.179.303					
Trích khấu hao	1.088.538.864	-	-	34.340.000	1.122.878.864					
Tại ngày 31/12/2017	12.533.084.698	524.978.423	567.594.364	281.400.682	13.907.058.167					
Giá trị còn lại										
Tại ngày 01/01/2017	12.629.215.954	-	-	150.237.500	12.779.453.454					
Tại ngày 31/12/2017	11.540.677.090	-	-	115.897.500	11.656.574.590					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.090.487.784 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	36.522.627	366.145.544
	36.522.627	366.145.544
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	655.770.365	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	534.280.984	766.702.365
	1.190.051.349	766.702.365

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	268.444.988	1.290.287.062	1.042.606.276	516.125.774
Thuế TNDN	3.704.915	-	3.704.915	-
Thuế TNCN	261.877	14.337.449	-	14.599.326
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.746.919	-	27.746.919	-
	300.158.699	1.304.624.511	1.074.058.110	530.725.100

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương	221.560.000	306.200.000
Chi phí phải trả khác	302.945.000	63.000.000
	524.505.000	369.200.000

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI QUẢNG NINH

Tầng 2, Khách sạn Hữu Nghị, Phường Hòa Lạc,
Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản		Cộng	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Năm 2016												
Tại ngày 01/01/2016	17.170.915.444	100,00%	2.718.783.408	15,83%	925.056.074	5,38%	(995.658.601)	(5,80%)	1.574.628.271	9,16%	21.393.724.596	122,87%
Lãi/lỗ trong năm trước	-		-		-		419.259.188	2,44%	-		419.259.188	2,36%
Chuyển lợi nhuận về Văn phòng Tỉnh ủy	-		-		-		(300.000.000)	(1,72%)	-		(300.000.000)	(1,68%)
Tăng khác	-		-		-		40.052.496	0,23%	-		40.052.496	0,23%
Tại ngày 31/12/2016	17.170.915.444	100,00%	2.718.783.408	15,83%	925.056.074	5,38%	(836.346.917)	(4,84%)	1.574.628.271	9,16%	21.553.036.280	123,23%
Năm 2017												
Tại ngày 01/01/2017	17.170.915.444	100,00%	2.718.783.408	15,83%	925.056.074	5,38%	(836.346.917)	(4,84%)	1.574.628.271	9,16%	21.553.036.280	123,23%
Lãi/lỗ trong năm nay	-		-		-		763.516.811	4,43%	-		763.516.811	4,28%
Chuyển lợi nhuận về Văn phòng Tỉnh ủy	-		-		-		(300.000.000)	(1,72%)	-		(300.000.000)	(1,68%)
Tại ngày 31/12/2017	17.170.915.444	100,00%	2.718.783.408	15,83%	925.056.074	5,38%	(372.830.106)	(2,17%)	1.574.628.271	9,16%	22.016.553.091	124,41%

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	17.170.915.444	100,00%	17.170.915.444	100,00%
	17.170.915.444	100%	17.170.915.444	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.177,59	1.379,52

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	46.223.979.040	32.599.767.435
	<u>46.223.979.040</u>	<u>32.599.767.435</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	34.985.772.810	21.810.046.521
	<u>34.985.772.810</u>	<u>21.810.046.521</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	72.863.899	65.025.201
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.378.899.280	1.333.350.848
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.878.713	3.766.005
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.171.647	833.525
	<u>1.458.813.539</u>	<u>1.402.975.579</u>

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.082.181.185	1.610.163.968
Chi phí nhân công	4.868.359.808	4.701.385.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.122.878.864	1.151.681.516
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.621.851	475.053.663
Chi phí khác bằng tiền	2.401.303.181	2.453.780.532
	<u>10.473.344.889</u>	<u>10.397.065.229</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	763.516.811	419.259.188
Các khoản điều chỉnh tăng	509.075.668	120.594.370
- Chi phí không hợp lệ	509.075.668	120.594.370
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.383.070.927)	(1.333.350.848)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.378.899.280)	(1.333.350.848)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(4.171.647)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(110.478.448)	(793.497.290)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.704.915	3.704.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.704.915)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	3.704.915

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên	867.360.000	491.286.860

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI QUẢNG NINH

Tầng 2, Khách sạn Hữu Nghị, Phường Hòa Lạc,

Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán Quảng Ninh.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	4.421.515.780
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.218.066.264	1.055.328.292
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	3.258.777.808
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32.599.767.435	34.185.976.673
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.402.975.579	1.022.089.579
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.397.065.229	11.602.388.467

Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Người lậpNguyễn Thị Ngọc Hoa
Kế toán trưởngNguyễn Văn Thắng
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2018